

Bản án số: 84/2023/HS-ST

Ngày 27-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thành Trúc;

2. Bà Đặng Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2023/TLHS ngày 29/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2023/QĐXXST-HS ngày 12/6/2023, đối với bị cáo:

Đặng Hoài T, giới tính: N; sinh năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 289 Ụ C, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: không có nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: 4/12; con ông Phùng Văn Đ (chết) và bà Đặng Thị Tuyết H; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/02/2023; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1997; địa chỉ: G B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: C15/37F Ấp C, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ ngày 20/12/2012, tại trước nhà số A P, Phường E, Quận H, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Q phát hiện Nguyễn Văn C, sinh ngày 19/6/1997 đang bán trái phép chất ma túy cho người mua nên tiến hành bắt giữ. C bỏ chạy lên gác nhà trên nên Công an truy đuổi lên gác bắt được C, thu giữ trong tay phải

của C 01 gói nylon hàn kín chứa tinh thể không màu và số tiền 490.000 đồng (C khai nhận đó là ma túy tổng hợp của T đưa C đem đi bán và tiền người mua trả khi mua ma túy), đồng thời Công an bắt quả tang Quách Kim Â và Lương Quang P đang sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra, Công an còn tạm giữ 02 điện thoại di động, 02 xe gắn máy biển số 51U7-0894, 54L1-4548, 01 bình nhựa gắn ống hút, 01 cân tiểu ly, 01 cây kéo, 01 gói nylon không chứa gì và 03 đoạn ống hút màu vàng hàn kín một đầu. Sau đó, Công an đưa C, Â, P cùng vật chứng về trụ sở Công an P1, Quận H lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Riêng người mua ma túy và Đặng Hoài T lợi dụng sơ hở bỏ chạy thoát.

Theo bản kết luận giám định số 201/KLGD-H ngày 14/01/2013 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Nguyễn Văn C, Quách Kim Â và hình dấu Công an P1, Quận H gửi đến giám định có trọng lượng 0,1020g (không phẩy một không hai không gram), có Methamphetamine (MA).

Ngày 25/12/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q khởi tố vụ án số 72/QĐ-CQCSĐT (ĐTMT), ngày 09/5/2013 khởi tố bị can số 265/QĐ-CQCSĐT(ĐTMT) và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Đặng Hoài T, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. T bỏ trốn nên bị truy nã. Ngày 20/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q tiếp nhận người bị bắt truy nã đối với Đặng Hoài T do Cục C1-Bộ C2 bàn giao.

Tại Cơ quan điều tra, Đặng Hoài T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 20/12/2012, T cùng với Nguyễn Văn C đang ở tại căn nhà số A P, Phường E, Quận H thì Quách Kim Â (bạn của T) điều khiển xe gắn máy (không rõ biển số) đến nhà của T chơi. Khi đến nơi, Â điện thoại rủ Lương Quang P (bạn của Â) đến nhà của T chơi. Sau đó, T, Â, P đi lên trên gác để sử dụng ma túy chung, riêng C ở dưới tầng trệt của căn nhà. Khi lên trên gác, Â bỏ ma túy vào bình dụng cụ để T, Â và P cùng nhau sử dụng chung. Trong lúc đang sử dụng ma túy, một đối tượng (không rõ lai lịch) gọi điện thoại cho T hỏi mua ma túy tổng hợp của T với số tiền 500.000 đồng, hẹn giao dịch mua bán ma túy tại trước nhà T. Do T hết ma túy tổng hợp để bán nên nói Â lấy số ma túy tổng hợp còn lại chưa sử dụng hết, bán lại cho T để T bán cho người mua, Â đồng ý bán số ma túy tổng hợp còn lại cho T với số tiền 300.000 đồng.

Sau đó, T kêu C lên trên gác và kêu Â đưa cho C 01 gói nylon chứa ma túy tổng hợp để C đem bán cho người mua tại trước nhà của T rồi đưa tiền lại cho T. Sau đó, C đi xuống tầng trệt, đứng trước nhà chờ người mua ma túy đến để bán. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, C đang bán trái phép chất ma túy cho người mua thì bị Công an phát hiện. Người mua ma túy lợi dụng sơ hở bỏ chạy thoát. Lúc này, C chạy lên gác nhà số A P, Phường E, Quận H thì bị Công an truy đuổi bắt được, lợi dụng sơ hở T bỏ chạy thoát. Đến ngày 20/02/2023, T bị Công an bắt theo Quyết định truy nã.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

Tất cả số vật chứng của vụ án nêu trên đã được tuyên xử lý theo bản án số 214/2013/HSST ngày 16/8/2013 của Tòa án nhân dân Quận 8.

Tại bản Cáo trạng số 108/CT-VKSQ8 ngày 23/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đã truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Đ1 e Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là Đ1 e Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là Đ1 e Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ Khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, đề nghị xử phạt bị cáo số tiền từ 05 triệu đồng đến 10 triệu đồng.

Bị cáo khai báo về hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ Kết luận giám định số 201/KLGD-H ngày 14/01/2013 của Phòng K Công an Thành phố H, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 20/12/2012, tại trước nhà số A P, Phường E, Quận H, bị cáo Đặng Hoài T nhờ Nguyễn Văn C (sinh ngày 19/6/1997, khi đó chưa đủ 16 tuổi) mang ma túy có khối lượng 0,1020g, có Methamphetamine, giao cho người mua thì bị phát hiện.

Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp “Sử dụng trẻ em vào việc phạm tội” quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay là Đ1 e Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017).

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, tội phạm về ma túy gây tác hại lớn cho con người và xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do vậy Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là Đ1 s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã, do vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử cần xem xét, cân nhắc mức hình phạt đối với bị cáo.

[5] Xét bị cáo phạm tội nhằm thu lợi bất chính, nên cần phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với Quách Kim Â, ngày 16/8/2013, Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, nên không xét.

Đối với Nguyễn Văn C (sinh ngày 19/6/1997), thời điểm bị bắt chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q giao cho Công an P2, Quận H xử lý theo Nghị định 163/2003/NĐ-CP của Chính phủ là có căn cứ, nên không xét.

Đối với Lương Quang P có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q thông báo cho Công an P3, Quận A để xử lý về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ, nên không xét.

[7] Xử lý vật chứng:

Đã được xử lý tại Bản án số 214/2013/HSST ngày 16/8/2013 của Tòa án nhân dân Quận 8, nên không xét.

[8] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điểm e Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là Đ1 e Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017), Đ1 p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là Đ1 s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt: Bị cáo Đặng Hoài T 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày 20/02/2023.

2. Áp dụng Khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay là Khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017): Phạt bị cáo Đặng Hoài T số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bị cáo có nghĩa vụ thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Hoa